

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2021

*V/v: Không công nhận quan hệ hôn
nhân giữa nam nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không ĐKKH*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Lương Văn Thanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Phúc Vượng; ông Lò Văn Yêu.

- Thư ký pH tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phương- Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia pH tòa:

Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Hôn nhân gia đình” thụ lý số: 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn X, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

* Người pH dịch: Anh Lò Văn T, sinh năm 1987.

Trú tại: Tổ dân phố X Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và tại biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:

Chị và anh Lò Văn X qua tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001 mà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không sinh được con trai, do vậy anh X thường xuyên uống rượu say và có hành vi đánh đập chị B phải đi bệnh viện chữa trị. Việc anh chị xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp, khuyên bảo nhưng anh X không thay đổi. Từ cuối tháng 8/2020 (âm lịch) tức là khoảng giữa

tháng 10/2020 dương lịch (do chị B không nhớ ngày cụ thể) chị B đã sống ly thân với anh X vì không chịu đựng được cuộc sống vợ chồng như vậy. Nay bản thân chị không còn tình cảm với anh X nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn X. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị do anh chị chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì chị cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung chị và anh X có 03 con, con thứ nhất tên là Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004; con thứ 2 tên là Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006; con thứ 3 tên là Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009. Vào thời điểm bắt đầu sống ly thân chị đang mang thai con thứ 4 được khoảng 01 tháng.

Ngày 27/5/2021 chị Lò Thị B có đơn gửi Tòa án trình bày về việc chị mới sinh con thứ 4 là con chung giữa chị và anh X, sinh ngày 26/5/2021 nhưng chưa có giấy khai sinh nên chưa được đặt tên. Sau khi ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chung.

Vì điều kiện sức khỏe yếu hơn nên chị đề nghị anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thứ 4 số tiền 500.000 đồng/1 tháng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Ngày 31/3/2021 chị Lò Thị B có đơn xin rút yêu cầu giải quyết chia tài sản đến nay không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng chị đã nộp.

Tại pH tòa chị Lò Thị B giữ nguyên đề nghị ly hôn với anh Lò Văn X. Về con chung chị đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận nuôi 3 con chung là cháu Lò Thị C, Lò Thị T và Lò Thị H tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2021 giữa chị và anh Lò Văn X. Đối với con chung thứ 4 chị Lò Thị B đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh Lò Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*)/ 1 tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, trong quá trình giải quyết chị và anh X đã tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại biên bản ghi lời khai anh Lò Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lò Thị B về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện mà không đi đăng ký kết hôn, đến nay được khoảng 10 năm (không nhớ năm cụ thể) cuộc sống vợ chồng bình thường, thì thoảng có xảy ra mâu thuẫn và có đánh chửi nhau một vài lần. Đến tháng 8/2020 (âm lịch) anh và chị B sống ly thân. Nay chị B xin ly hôn anh nhất trí ly hôn với chị Lò Thị B.

Về con chung: Có 03 con, con thứ nhất tên là Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004; con thứ 2 tên là Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006; con thứ 3 tên là Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009. Ngày 26/5/2021 chị B sinh con thứ 4 chưa đặt tên. Anh Lò Văn X xác định đây con chung thứ 4 giữa anh và chị B, như vậy giữa anh

và chị B có 4 con chung. Sau khi ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi cả 4 con chung anh nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh X không nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị B.

Về chia tài sản: Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Giữa anh và chị Lò Thị B đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết về phần chia tài sản chung nên chị B đã rút yêu cầu về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh hoàn toàn nhất trí.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2021 của cháu Lò Thị H thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2021 của cháu Lò Thị T thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố vì cháu đã lớn và để mẹ có điều kiện chăm sóc em nhỏ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/3/2021 của cháu Lò Thị C thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố vì cháu đã lớn và để mẹ có điều kiện chăm sóc em nhỏ.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2021, chị Lò Thị B và anh Lò Văn X đã thỏa thuận được anh Lò Văn X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006 và Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lò Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lò Văn X và chị Lò Thị B đều không yêu cầu hai bên phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho các cháu C, T và H.

Tại pH tòa: Anh X giữ nguyên quan điểm là nhất trí ly hôn với chị Lò Thị B. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi 3 con chung là các cháu C, T và H tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2021. Đối với con chung thứ 4 anh X nhất trí để chị B nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con anh X không nhất trí theo yêu cầu của chị B do anh không có tài sản hay thu nhập ổn định. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng anh đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên về việc chị Lò Thị B sinh con thứ 4 là con chung giữa chị B và anh X. Kết quả xác minh chị B có sinh con thứ 4 là con chung giữa chị B và anh X, con sinh ngày 26/5/2021 là con gái và chị B đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại pH tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự, việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 28 và Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tổng đạt các quyết định cho các đương sự đã đảm bảo theo quy định pháp luật. Tại pH tòa nguyên đơn và bị đơn đều có mặt. Căn cứ vào Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố chị Lò Thị B và anh Lò Văn X không phải là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn X tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2021 và tại pH tòa. Cụ thể giao cháu Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004 và Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006 cho anh Lò Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009 và con chung thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 cho chị Lò Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B yêu cầu anh anh Lò Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh X không nhất trí. Nhận thấy cha mẹ có quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí do sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị Lò Thị B đã nộp. Tại pH tòa chị B tự nguyện chịu toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét xử và xác định tư cách đương sự là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn X không đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2001, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không sinh được con trai, anh X thường xuyên uống rượu say và có hành vi đánh đập chị B, nay chị B không còn tình cảm với anh X và không thể tiếp tục chung sống nên làm đơn xin ly hôn với anh Lò Văn X. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị B anh X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân của chị B và anh X là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn X.

[3] Về nuôi con: Ngày 31/5/2021 Tòa án tiến hành xác minh về việc chị B sinh con chung thứ 4 giữa chị B và anh X sinh ngày 26/5/2021 là sự thật, con chưa được

đăng ký khai sinh nên chưa có tên. Tại pH tòa anh X công nhận cháu thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 là con chung của anh và chị B. Xác định chị B và anh X có 04 con chung là: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004, Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006, Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009, và cháu thứ 4 sinh ngày 26/5/2021. Đến thời điểm thụ lý vụ án các cháu Lò Thị C, Lò Thị T, Lò Thị H đã trên 7 tuổi và nguyện vọng của cháu T và C là được ở cùng bố, nguyện vọng của cháu H là được ở cùng mẹ, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của các cháu. Hơn nữa tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2021 và tại pH tòa chị B và anh X thống nhất được anh Lò Văn X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004 và Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009 và con chung thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị B yêu cầu anh Lò Văn X phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 số tiền 500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy yêu cầu của chị B là có căn cứ. Anh Lò Văn X là bố đẻ của cháu, tính đến ngày mở pH tòa cháu mới được 14 ngày tuổi, anh phải có trách nhiệm cùng với chị B để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, do anh X chỉ làm ruộng, thu nhập thấp, không ổn định nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị B.

[4] Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị B và anh Lò Văn X là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Ngò, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu thuộc khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Lò Thị B, bị đơn anh Lò Văn X thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 2.000.000 đồng là tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Chị B tự nguyện nộp thay cho phần của anh X, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn X.

[3] Việc nuôi con: Ghi nhận sự tự thỏa thuận ngày 30/3/2021 và tại phiên tòa giữa chị Lò Thị B và anh Lò Văn X: Giao cháu Lò Thị C, sinh ngày 01/01/2004 và Lò Thị T, sinh ngày 01/01/2006 cho anh Lò Văn X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2009 và con thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 cho chị Lò Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung thứ 4 sinh ngày 26/5/2021 số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*)/ 01 tháng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về thời điểm bắt đầu cấp dưỡng, kết thúc việc cấp dưỡng: Thời điểm bắt đầu từ ngày 01/7/2021 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Vào ngày 15 hàng tháng, anh Lò Văn X phải đưa tiền trực tiếp cho chị Lò Thị B.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lò Thị B và anh Lò Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Đình chỉ việc yêu cầu chia tài sản của chị Lò Thị B. Trả lại cho chị B tiền tạm ứng án phí giá ngạch số tiền 3.917.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/3016/000947 ngày 16/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

[6] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị B. Miễn án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Lò Văn X.

Trả lại cho chị B số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000921 ngày 25/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

[7] Kiến nghị: Đối với nguyên đơn Chị Lò Thị B phải tiến hành làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con sinh ngày 26/5/2021 là con chung giữa chị B và anh X để anh Lò Văn X thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu (01 bản);
- VKSND huyện (01 bản);
- VKSND tỉnh (01 bản);
- Chi cục THA Dân sự huyện (01 bản);
- UBND xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Văn Thanh